

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 1732/2020/TLST-VHNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, con chung và chia tài sản chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: Bà Lê Thị Mộng C, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: 27/34 khu phố 5, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người yêu cầu: Ông Đào Duy M, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: 40/36 khu phố 5, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nhận được đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, con chung và chia tài sản chung” của ông Đào Duy M và bà Lê Thị Mộng C. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà C, ông M thống nhất không đoàn tụ, xin được công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 14/8/2020. Cả bà C, ông M hiện đang cư trú tại phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và ông bà đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của bà C, ông M được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Đào Duy M và bà Lê Thị Mộng C tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B vào năm 2001. Bà C, ông M thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cả hai đều xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà C, ông M có 03 con chung là Đào Duy P, sinh ngày 10/6/2002; Đào Đặng Duy K, sinh ngày 07/4/2004 và Đào Thiên A, sinh ngày 08/01/2016. Khi ly hôn ông bà đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của ông bà là giao cháu K và Thiên A cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 cháu (1.500.000 đồng/cháu). Riêng cháu P đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Duy M và bà Lê Thị Mộng C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Đào Duy M và bà Lê Thị Mộng C về việc giao 02 con chung tên Đào Đặng Duy K, sinh ngày 07/4/2004 và Đào Thiên A, sinh ngày 08/01/2016 cho bà C được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 cháu (1.500.000 đồng/cháu). Đối với cháu Đào Duy P, sinh ngày 10/6/2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Đào Duy M được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông M và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông M và bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình: Ông Đào Duy M và bà Lê Thị Mộng C mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông M, bà C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 0009803 ngày 13/7/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Anh Đức